TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 309/2024/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 15 tháng 04 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 231/2024/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Triệu Thị Kim N, sinh năm: 1990
2. Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm: 1989

Cùng địa chỉ: Kế A8/4P ấp M, xã T, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc B đồng ý thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Triệu Quốc K, nam, sinh ngày 17/07/2013. Khi ly hôn bà Triệu Thị Kim N, ông Nguyễn Quốc B thỏa thuận giao trẻ K cho ông Nguyễn Quốc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Triệu Thị Kim N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Các bên đương sự trực tiếp thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 10/05/2024 cho đến khi nào phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Bà Triệu Thị Kim N, ông Nguyễn Quốc B không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Triệu Thị Kim N, ông Nguyễn Quốc B xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc B đồng ý thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 291, Quyển số 01/2012 đăng ký ngày 15/10/2012 tại Ủy ban nhân dân phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Triệu Quốc K, nam, sinh ngày 17/07/2013. Khi ly hôn bà Triệu Thị Kim N, ông Nguyễn Quốc B thỏa thuận giao trẻ K cho ông Nguyễn Quốc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Triệu Thị Kim N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Các bên đương sự trực tiếp thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 10/05/2024 cho đến khi nào phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ khi ông Nguyễn Quốc B có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Triệu Thị Kim N chậm nộp tiền cấp dưỡng nuôi con thì bà Triệu Thị Kim N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Triệu Thị Kim N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Bà Triệu Thị Kim N, ông Nguyễn Quốc B không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Triệu Thị Kim N, ông Nguyễn Quốc B xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Triệu Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc B chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thuận tình ly hôn nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà Triệu Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0033369 ngày 12/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC. Bà Triệu Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc B đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7

và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện BC;
- UBND phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Văn Lưới